

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị KT	Mức độ nhận thức								Tỉ lệ % tổng điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	3		4	1		1		1	60
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)		1*		1*		1*		1*	
Tỷ lệ %			15	10	20	10+10		10+10		5+10	
Tổng			25%		40%		20%		15%		
Tỷ lệ chung			65%				35%				

TT	Kĩ năng	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện lịch sử	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại truyện lịch sử - Nhận biết được nhân vật lịch sử trong đoạn trích - Chỉ ra được biện pháp tu từ trong câu văn. Thông hiểu: - Xác định được tác dụng của biện pháp tu từ - Hiểu được đặc điểm nhân vật lịch sử qua chi tiết cụ thể - Hiểu được tình cảm, thái độ của người kể chuyện. - Hiểu được ý nghĩa của hình ảnh Vận dụng: Liên hệ được bài học cho bản thân Vận dụng cao Trình bày được suy nghĩ của mình về một vấn đề liên quan đến nội dung văn bản.	3 TN	4 TN 1 TL	1 TL	1TL
2	Viết	Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt Đường luật)	Nhận biết: nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản phân tích một tác phẩm văn học (bài thơ thất ngôn bát cú hoặc tứ tuyệt đường luật), bài viết có bố cục 3 phần. Thông hiểu: biết dùng từ ngữ, câu văn đảm bảo ngữ pháp để nêu nhận xét của mình về nội dung chủ đề, những nét đặc sắc về nghệ thuật. Vận dụng: vận dụng các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phương tiện liên kết, các kĩ năng lập luận, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được suy nghĩ của bản thân về nội dung và nghệ thuật của bài thơ Vận dụng cao: sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng một cách thuyết phục.				1 TL*
Tổng				3 TN 1*	4 TN 1 TL 1*	1 TL 1*	1TL 1*
Tỉ lệ %				25	40	20	15
Tỉ lệ chung				65		35	

(Đề gồm có 03 trang)

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Trần Quốc Tuấn ra lệnh cho đạo quân bộ lên đường. Khi các cánh quân bắt đầu chuyển, Trần Quốc Tuấn cũng xuống bến thuyền. Ngoài cửa bến, Trần Quốc Tuấn thấy Chiêu Minh vương đứng chờ ông ở đó. Sau lưng Trần Quang Khải là Trương Hán Siêu cùng các thư nhi⁽¹⁾ hai phủ Chiêu Minh, Hưng Đạo. Hai vị tướng tài cầm lấy tay nhau và im lặng ngắm nhau. Nhân Tông bảo Trần Quang Khải:

- Chủ Chiêu Minh không chúc bác Hưng Đạo vãi lời đi.

Trần Quang Khải tươi cười nói:

- Tâu bệ hạ⁽²⁾, Quốc công⁽³⁾ ra quân trận này chắc thắng, thần chỉ xin tặng Quốc công vật mọn này nhân lúc lên đường.

Vật tặng của Trần Quang Khải là tập thơ Lạc Đạo, gồm những bài ông làm những năm gần đây và do chính tay Chiêu Minh vương chép theo bốn kiểu chữ chân, thảo, triện, lệ⁽³⁾. Ông nói với Hưng Đạo vương:

- Ba quân đã trẩy⁽⁴⁾, xin mời Quốc công lên thuyền.

Trần Quốc Tuấn vãi Nhân Tông mười hai vãi rồi quay sang Trần Quang Khải:

- Hịch⁽⁵⁾ đã viết xong. Phiền Thượng tướng quân⁽⁶⁾ sai truyền đi các lộ ngay đêm nay.

Hai người nhìn nhau chăm chú và cùng thoáng mỉm cười. Từ đài cao, Dã Tượng đường hoàng giương cao ngọn cờ tiết chế⁽⁷⁾ đi xuống bến. Yết Kiêu đã đứng đón sẵn ở đấy. Dã Tượng trao cán cờ tiết chế cho Yết Kiêu. Họ không nói với nhau một lời nào nhưng bốn mắt nhìn nhau đăm đăm như đang truyền cho nhau tình cảm dạt dào. Trần Quốc Tuấn chờ Yết Kiêu cầm lá cờ tiết chế thật thẳng rồi ra lệnh nhỏ sào. Thuyền tướng từ từ kéo buồm. Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khễ đẩy. Thuyền tướng rời bến. Mặt sông la liệt buồm và cờ. Đội trống đánh nhịp xuất quân. Tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực. Quân chèo thuyền cất cao giọng: “Dô hò... này khoan ới hò khoan. Dô hò... này lời hẹn thệ sư Cùg yê... nhau ý a...” Tiếng hò náo nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng dưng nổi lên lời thề khải hoàn⁽⁹⁾ với kinh thành⁽¹⁰⁾ yêu dấu.

(Trích: Trên sông truyền hịch- Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Chú thích 1:

(1) Thư nhi: Trong văn cảnh này, “thư nhi” có nghĩa là con cháu, hậu duệ, đề cập đến con cháu của hai phủ Chiêu Minh và Hưng Đạo.

(2) Bệ hạ: Là cách gọi trang trọng và cung kính dành cho vua/ hoàng đế.

(3) Chân, thảo, triện, lệ: đại diện cho bốn kiểu chữ khác nhau trong thư pháp Trung Hoa và Việt Nam

(4) Trẩy: đi, thường dùng để chỉ việc di chuyển của binh lính, gọi lên hình ảnh của đoàn quân xuất quân, ra trận.

(5) Hịch: một thể loại văn viết dùng để kêu gọi, cổ vũ, hoặc khích lệ quân sĩ hoặc dân chúng trong thời chiến

(6) *Tướng quân*: là danh xưng chỉ các vị lãnh đạo quân sự cao cấp, thường đứng đầu một đội quân, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước, có tài năng quân sự, dũng cảm, khéo léo trong chiến lược.

(7) *Ngọn cờ tiết chế*: “tiết chế” biểu thị uy quyền tối cao của người chỉ huy quân sự. Ngọn cờ này là biểu tượng cho quyền lực và trách nhiệm của người đứng đầu quân đội, thể hiện khả năng kiểm soát và điều hành toàn bộ lực lượng quân sự dưới quyền.

(8) *Đình ninh*: có nghĩa là tin chắc, không chút nghi ngờ về một điều gì đó.

(9) *Khải hoàn*: sự trở về sau chiến thắng.

(10) *Kinh thành*: thủ đô hoặc trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của một quốc gia trong quá khứ.

Lựa chọn đáp án đúng bằng cách khoanh vào chữ cái đầu dòng các phương án trả lời (từ câu 1 đến câu 7):

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

- | | |
|-------------------|----------------------|
| A. Truyện lịch sử | B. Tiểu thuyết |
| C. Truyện ngắn | D. Truyện đồng thoại |

Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

- | | |
|--------------------|-------------------|
| A. Trần Quang Khải | B. Trần Quốc Tuấn |
| C. Trần Nhân Tông | D. Yết Kiêu |

Câu 3. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*”?

- | | |
|------------|-------------|
| A. Liệt kê | B. Đảo ngữ |
| C. So sánh | D. Phép đối |

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*” là gì?

A. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc, tạo ra hình ảnh tươi đẹp, ấm áp của cảnh sông dưới ánh nắng.

B. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện sự lo lắng vì thế giặc mạnh để làm tăng tính nghệ thuật.

C. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng, vào tương lai tươi sáng.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc và cảm giác bình yên, thư thái khi nhìn ngắm cảnh sông.

Câu 5. Chi tiết “*Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khẽ đẩy*” cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh, khiêm tốn và giản dị với mọi người xung quanh, thể hiện lòng kính trọng và sự tử tế trong mọi hành động.

B. Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn, cởi mở và gần gũi, không giữ khoảng cách với thần dân hay người giúp việc.

C. Vua là người chủ quan, coi thường quân giặc, muốn Trần Quốc Tuấn nhanh chóng ra trận để đánh thắng giặc Nguyên Mông

D. Vua gần gũi, yêu quý, tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

Câu 6. Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

- | | |
|-------------------------------|-------------------------------|
| A. Khâm phục, tự hào, biết ơn | C. Lo lắng, sợ hãi, nhút nhác |
| B. Bình tĩnh, vui vẻ, tự hào | D. Say sưa, ngất ngây, tự tin |

Câu 7. Trong buổi xuất quân, tác giả khắc hoạ một số hình ảnh “*mặt sông la liệt buồm và cò; đội trống đồng đánh nhịp xuất quân, tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực...*” thể hiện điều gì?

- A. Sự trật tự, nề nếp trong quân đội nhà Trần
- B. Tinh thần đoàn kết, nhanh trí của quân đội
- C. Sự hùng dũng, mạnh mẽ của đội ngũ chiến binh
- D. Sự phấn khởi, hào hùng của buổi xuất quân

Trả lời câu hỏi sau (Từ câu 8 đến câu 10)

Câu 8. Chi tiết “*Tiếng hò náo nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng định ninh lời thề khải hoàn với kinh thành yêu dấu.*” giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Quốc Tuấn?

Câu 9. Theo em, đoạn trích trên nhắc nhở ta điều gì?

Câu 10. Từ văn bản, em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay. (Trình bày bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu)

II. VIẾT (4,0 điểm)

Viết bài văn phân tích tác phẩm sau:

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ*

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời⁽¹⁾ đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả⁽²⁾, khôn⁽³⁾ chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa⁽⁴⁾ ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta!*

(Nguyễn Khuyến, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1963)

Chú thích 2:

* Bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn tại quê nhà, xã Yên Đỗ (nay là xã Trung Lương), Bình Lục, Hà Nam.

(1) *thời*: thì; (2) *cả*: lớn; (3) *khôn*: khó, không; (4) *chửa*: chưa

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Hướng dẫn chấm này có 03 trang)

A. HƯỚNG DẪN CHUNG

- Giám khảo cần chủ động nắm bắt nội dung trình bày của thí sinh để đánh giá tổng quát bài làm, tránh đếm ý cho điểm. Chú ý vận dụng linh hoạt và hợp lý *Hướng dẫn chấm*.
- Đặc biệt trân trọng, khuyến khích những bài viết có nhiều sáng tạo, độc đáo trong nội dung và hình thức.
- Điểm lẻ toàn bài tính đến 0.25 điểm, sau đó làm tròn theo quy định.

B. HƯỚNG DẪN CỤ THỂ

Phần I: ĐỌC HIỂU

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Phương án trả lời	A	B	B	C	D	A	D
Điểm	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5

2. Trắc nghiệm tự luận

Câu 8 (1 điểm)

Mức 1 (0,75 – 1,0 đ)	Mức 2 (0,25 - 0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
Học sinh trả lời được: Chi tiết “ <i>Tiếng hò nào nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng định ninh lời thề khải hoàn với kinh thành yêu dấu</i> ” ở cuối đoạn trích, miêu tả cảnh, tả tâm hồn của Trần Quốc Tuấn trong buổi ra quân diệt giặc Nguyên Mông giúp ta hiểu về nhân vật Trần Quốc Tuấn: Không chỉ là một vị tướng tài giỏi, Trần Quốc Tuấn còn là bậc trung quân ái quốc, trọng chữ tín, có quyết tâm cao, có tấm lòng yêu nước thương dân sâu sắc, luôn tin tưởng vào chiến thắng của quân ta..	Học sinh trả lời được nhưng chưa toàn diện, diễn đạt chưa thật rõ.	Học sinh trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 9: (1 điểm)

Mức 1 (0,75 - 1 đ)	Mức 2 (0,25 - 0,5 đ)	Mức 3 (0đ)
Học sinh trả lời hợp lý được những lời nhắc nhở gọi ra từ đoạn trích. Có thể là: Đoạn trích nhắc nhở ta dù đối diện với bất kì thử thách nào, sự đoàn kết, lòng quyết tâm và niềm tin vào mục tiêu giúp chúng ta vượt qua mọi khó khăn. Chúng ta cần có sự kết nối và hỗ trợ lẫn nhau, giống như tình cảm giữa các vị tướng là yếu tố quan trọng để đạt được thành công.	HS trả lời hợp lý nhưng chưa sâu sắc, toàn diện, diễn đạt chưa thật rõ.	Trả lời sai hoặc không trả lời.

Câu 10 (0,5 điểm)

Mức 1 (0,5 đ)	Mức 2 (0,25 đ)	Mức 3 (0đ)
Viết được đoạn văn đảm bảo các yêu cầu sau: * Hình thức: Đảm bảo đoạn văn 3-5 câu. * Nội dung: Nêu được suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay: - Khẳng định tuổi trẻ dù ở bất cứ thời nào cũng đều phải có trách nhiệm với non sông, đất nước. - Tuổi trẻ hôm nay được sinh ra và trưởng thành trong bối cảnh đất nước hòa bình, được sống và hưởng thụ những thành quả mà biết bao thế hệ cha ông đã đổi lấy bằng cả xương máu và trí tuệ, cần: + Nhận thức rõ trách nhiệm với Tổ quốc, chăm chỉ học tập và rèn đức luyện tài; tích cực tham gia các phong trào yêu nước, góp phần vào công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ... + Khi đất nước có khó khăn, cần hướng về Tổ quốc để bảo vệ nền độc lập dân tộc,... + Thực hiện nghĩa vụ quân sự, sẵn sàng lên đường khi Tổ quốc cần (GV cần linh hoạt khi chấm, có thể ghi điểm động viên khuyến khích chứ không cứng nhắc rập khuôn theo hướng dẫn nội dung trên) c, <i>Sáng tạo:</i> HS có thể có suy nghĩ riêng về vấn đề. d, <i>Chính tả:</i> dùng từ, đặt câu, đảm bảo chuẩn ngữ pháp, ngữ nghĩa TV.	- Viết được đoạn văn tương đối đảm bảo các yêu cầu về nội dung và hình thức nhưng vấn đề chưa sâu sắc, còn mắc lỗi về diễn đạt, dùng từ, đặt câu, chưa có sự sáng tạo	- Viết đoạn văn không đúng các yêu cầu về nội dung và hình thức hoặc không viết.

Phần II: VIẾT (4 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm
VIẾT	4,0
a. <i>Xác định được yêu cầu của kiểu bài:</i> nghị luận văn học.	0,25
b. <i>Xác định đúng vấn đề nghị luận:</i> phân tích bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật. Phân tích được nội dung cơ bản và một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ <i>Bạn đến chơi nhà</i> (Nguyễn Khuyến).	0,5
c. <i>Đề xuất được hệ thống ý phù hợp để làm rõ vấn đề của bài viết:</i> - Xác định được các ý chính của bài viết. - Sắp xếp ý hợp lý theo bố cục ba phần của bài văn nghị luận: *Giới thiệu ngắn gọn, khái quát về tác giả, bài thơ và nêu ý kiến chung về bài thơ. *Lần lượt phân tích theo bố cục hoặc đi từ nội dung đến nghệ thuật của đoạn trích...HS có thể trình bày bằng nhiều cách khác nhau một cách linh hoạt. Sau đây là vài gợi ý chính: - Phân tích nội dung cơ bản của bài thơ:	1,0

+ Giới thiệu bạn đến thăm nhà: <i>. Đã bấy lâu nay</i>: người bạn già xa cách đã lâu ngày đến chơi nhà. => Mừng rỡ, thân tình. <i>. Cách gọi bác</i>: thái độ niềm nở, thân mật, kính trọng với bạn. + Hoàn cảnh của nhà thơ: <i>. Trẻ thời đi vắng</i>: không có người sai việc vặt, đun nước, pha chè mời khách. <i>. Chợ thời xa</i>: Khó mua những thức ngon đãi bạn. <i>. Lời phân trần của nhà thơ</i>: ao sâu không bắt được cá; vườn rộng khó đuổi gà; cải, cà, bầu, mướp đều chưa dùng được; cả miếng trầu cũng không có. => Sự thiếu thốn được đẩy lên đến cực điểm. Nói <i>có</i> nhưng thực chất là <i>không</i>. + Tình cảm của nhà thơ: Vật chất không có gì nhưng có <i>ta với ta</i>. => Tình bạn đậm đà, thắm thiết, không màng đến những giá trị vật chất. Đó là sự sẻ chia, đồng cảm, thấu hiểu nhau. - Phân tích một số nét đặc sắc nghệ thuật của bài thơ + Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật. Niêm, luật chặt chẽ. + Giọng thơ tự nhiên. + Ngôn ngữ giản dị, trong sáng, hình ảnh quen thuộc + Kết hợp độc đáo các biện pháp tu từ liệt kê, nói quá, nhân đề, cấu trúc bài thơ đặc biệt,... *Khẳng định vị trí và ý nghĩa của bài thơ.	
<i>d. Viết bài văn đảm bảo các yêu cầu sau:</i> - Triển khai được các luận điểm về nội dung chủ đề và đặc sắc nghệ thuật của đoạn trích. - Lựa chọn được các thao tác lập luận, phương thức biểu đạt phù hợp để triển khai vấn đề nghị luận. - Lập luận chặt chẽ, thuyết phục: lý lẽ xác đáng, bằng chứng thuyết phục từ tác phẩm để làm sáng tỏ ý kiến nêu trong bài viết.	1,5
<i>đ. Diễn đạt</i>: đảm bảo đúng chính tả, dùng từ, ngữ pháp tiếng Việt, liên kết văn bản.	0,25
<i>e. Sáng tạo</i>: có cách diễn đạt mới mẻ, sáng tạo.	0,5

HIỆU TRƯỞNG

TỔ/NHÓM TRƯỞNG CM

NGƯỜI RA ĐỀ

Nguyễn Thị Kim Thủy

I. ĐỌC HIỂU (7,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] *Trần Quốc Tuấn ra lệnh cho đạo quân bộ lên đường. Khi các cánh quân bắt đầu chuyển, Trần Quốc Tuấn cũng xuống bến thuyền. Ngoài cửa bến, Trần Quốc Tuấn thấy Chiêu Minh vương đứng chờ ông ở đó. Sau lưng Trần Quang Khải là Trương Hán Siêu cùng các thư nhi⁽¹⁾ hai phủ Chiêu Minh, Hưng Đạo. Hai vị tướng tài cầm lấy tay nhau và im lặng ngắm nhau. Nhân Tông bảo Trần Quang Khải:*

- Chú Chiêu Minh không chúc bác Hưng Đạo vãi lời đi.

Trần Quang Khải tươi cười nói:

-Tâu bệ hạ⁽²⁾, Quốc công⁽³⁾ ra quân trận này chắc thắng, thần chỉ xin tặng Quốc công vật mọn này nhân lúc lên đường.

Vật tặng của Trần Quang Khải là tập thơ Lạc Đạo, gồm những bài ông làm những năm gần đây và do chính tay Chiêu Minh vương chép theo bốn kiểu chữ chân, thảo, triện, lệ⁽³⁾. Ông nói với Hưng Đạo vương:

- Ba quân đã thấy⁽⁴⁾, xin mời Quốc công lên thuyền.

Trần Quốc Tuấn vãi Nhân Tông mười hai vãi rồi quay sang Trần Quang Khải:

- Hịch⁽⁵⁾ đã viết xong. Phiền Thượng tướng quân⁽⁶⁾ sai truyền đi các lộ ngay đêm nay.

Hai người nhìn nhau chăm chú và cùng thoáng mỉm cười. Từ đài cao, Dã Tượng đường hoàng giương cao ngọn cờ tiết chế⁽⁷⁾ đi xuống bến. Yết Kiêu đã đứng đón sẵn ở đấy. Dã Tượng trao cán cờ tiết chế cho Yết Kiêu. Họ không nói với nhau một lời nào nhưng bốn mắt nhìn nhau đăm đăm như đang truyền cho nhau tình cảm dạt dào. Trần Quốc Tuấn chờ Yết Kiêu cầm lá cờ tiết chế thật thẳng rồi ra lệnh nhổ sào. Thuyền tướng từ từ kéo buồm. Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khẽ đẩy. Thuyền tướng rời bến. Mặt sông la liệt buồm và cờ. Đội trống đánh nhịp xuất quân. Tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực. Quân chèo thuyền cất cao giọng: “Dô hò... này khoan ới hò khoan. Đô hò... này lời hẹn thệ sư Cùg y... nhau ý a...” Tiếng hò náo nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng định ninh⁽⁸⁾ lời thề khải hoàn⁽⁹⁾ với kinh thành⁽¹⁰⁾ yêu dấu.

(Trích: *Trên sông truyền hịch*- Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Chú thích 1:

(1) *Thư nhi*: Trong văn cảnh này, “thư nhi” có nghĩa là con cháu, hậu duệ, đề cập đến con cháu của hai phủ Chiêu Minh và Hưng Đạo.

(2) *Bệ hạ*: Là cách gọi trang trọng và cung kính dành cho vua/ hoàng đế.

(3) *Chân, thảo, triện, lệ*: đại diện cho bốn kiểu chữ khác nhau trong thư pháp Trung Hoa và Việt Nam

(4) *Trấy*: đi, thường dùng để chỉ việc di chuyển của binh lính, gọi lên hình ảnh của đoàn quân xuất quân, ra trận.

(5) *Hịch*: một thể loại văn viết dùng để kêu gọi, cổ vũ, hoặc khích lệ quân sĩ hoặc dân chúng trong thời chiến

(6) *Tướng quân*: là danh xưng chỉ các vị lãnh đạo quân sự cao cấp, thường đứng đầu một đội quân, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước, có tài năng quân sự, dũng cảm, khéo léo trong chiến lược.

(7) *Ngọn cờ tiết chế*: “tiết chế” biểu thị uy quyền tối cao của người chỉ huy quân sự. Ngọn cờ này là biểu tượng cho quyền lực và trách nhiệm của người đứng đầu quân đội, thể hiện khả năng kiểm soát và điều hành toàn bộ lực lượng quân sự dưới quyền.

(8) *Định ninh*: có nghĩa là tin chắc, không chút nghi ngờ về một điều gì đó.

(9) *Khải hoàn*: sự trở về sau chiến thắng.

(10) *Kinh thành*: thủ đô hoặc trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của một quốc gia trong quá khứ.

Lựa chọn đáp án đúng bằng cách khoanh vào chữ cái đầu dòng các phương án trả lời.

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

- A. Truyện lịch sử
- B. Tiểu thuyết
- C. Truyện ngắn
- D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

- A. Trần Quang Khải
- B. Trần Quốc Tuấn
- C. Trần Nhân Tông
- D. Yết Kiêu

Câu 3. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*”?

- A. Liệt kê
- B. Đảo ngữ
- C. So sánh
- D. Phép đối

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*” là gì?

A. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc, tạo ra hình ảnh tươi đẹp, ấm áp của cảnh sông dưới ánh nắng.

B. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện sự lo lắng vì thế giặc mạnh để làm tăng tính nghệ thuật.

C. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng, vào tương lai tươi sáng.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc và cảm giác bình yên, thư thái khi nhìn ngắm cảnh sông.

Câu 5. Chi tiết “*Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khẽ đẩy*” cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh, khiêm tốn và giản dị với mọi người xung quanh, thể hiện lòng kính trọng và sự tử tế trong mọi hành động.

B. Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn, cởi mở và gần gũi, không giữ khoảng cách với thần dân hay người giúp việc.

C. Vua là người chủ quan, coi thường quân giặc, muốn Trần Quốc Tuấn nhanh chóng ra trận để đánh thắng giặc Nguyên - Mông

D. Vua gần gũi, yêu quý, tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

Câu 6. Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

- A. Khâm phục, tự hào, biết ơn
- B. Bình tĩnh, vui vẻ, tự hào
- C. Lo lắng, sợ hãi, nhút nhác
- D. Say sưa, ngất ngây, tự tin

Câu 7. Trong buổi xuất quân, tác giả khắc họa một số hình ảnh “*mặt sông la liệt buồm và cò; đội trống đồng đánh nhịp xuất quân, tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực...*” thể hiện điều gì?

- A. Sự trật tự, nề nếp trong quân đội nhà Trần
- B. Tinh thần đoàn kết, nhanh trí của quân đội
- C. Sự hùng dũng, mạnh mẽ của đội ngũ chiến binh
- D. Sự phấn khởi, hào hùng của buổi xuất quân

II. VIẾT (3,0 điểm)

Viết 1 câu văn thể hiện được nội dung của bài thơ sau :

BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ*

*Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời⁽¹⁾ đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả⁽²⁾, khôn⁽³⁾ chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa⁽⁴⁾ ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta!*

(Nguyễn Khuyến, trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV, NXB Văn Hóa, Hà Nội, 1963)

Chú thích 2:

* Bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn tại quê nhà, xã Yên Đỗ (nay là xã Trung Lương), Bình Lục, Hà Nam.

(1) *thời*: thì; (2) *cả*: lớn; (3) *khôn*: khó, không; (4) *chửa*: chưa

----- Hết -----
HIỆU TRƯỞNG TỔ/NHÓM TRƯỞNG CM NGƯỜI RA ĐỀ

Nguyễn Thị Kim Thủy

HƯỚNG DẪN CHẤM
(Dành cho học sinh KTTT)

Phần I: ĐỌC HIỂU (7,0 điểm)

*Trắc nghiệm khách quan

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Phương án trả lời	A	B	B	C	D	A	D
Điểm	1	1	1	1	1	1	1

Phần II: VIẾT (3 điểm)

Viết được câu văn thể hiện được nội dung của bài thơ.

- HS viết được câu văn thể hiện được nội dung bài thơ. (3đ)
- HS viết được câu văn thể hiện được nội dung bài thơ nhưng chưa sâu sắc, diễn đạt chưa rõ ràng. (2đ)
- HS viết sai hoặc không viết được (0đ)

HIỆU TRƯỞNG

TỔ/NHÓM TRƯỞNG CM

NGƯỜI RA ĐỀ

Nguyễn Thị Kim Thủy

Trường TH&THCS Nguyễn Du Họ và tên:..... Lớp: 8	KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025 MÔN: NGỮ VĂN - Lớp: 8
Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)	
ĐIỂM:	NHẬN XÉT CỦA THẦY CÔ

ĐỀ BÀI VÀ PHẦN LÀM BÀI

ĐỀ

I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

[...] Trần Quốc Tuấn ra lệnh cho đạo quân bộ lên đường. Khi các cánh quân bắt đầu chuyển, Trần Quốc Tuấn cũng xuống bến thuyền. Ngoài cửa bến, Trần Quốc Tuấn thấy Chiêu Minh vương đứng chờ ông ở đó. Sau lưng Trần Quang Khải là Trương Hán Siêu cùng các thư nhi⁽¹⁾ hai phủ Chiêu Minh, Hưng Đạo. Hai vị tướng tài cầm lấy tay nhau và im lặng ngắm nhau. Nhân Tông bảo Trần Quang Khải:

- Chủ Chiêu Minh không chúc bác Hưng Đạo vài lời đi.

Trần Quang Khải tươi cười nói:

-Tâu bệ hạ⁽²⁾, Quốc công⁽³⁾ ra quân trận này chắc thắng, thần chỉ xin tặng Quốc công vật mọn này nhân lúc lên đường.

Vật tặng của Trần Quang Khải là tập thơ Lạc Đạo, gồm những bài ông làm những năm gần đây và do chính tay Chiêu Minh vương chép theo bốn kiểu chữ chân, thảo, triện, lệ⁽³⁾. Ông nói với Hưng Đạo vương:

- Ba quân đã thấy⁽⁴⁾, xin mời Quốc công lên thuyền.

Trần Quốc Tuấn vái Nhân Tông mười hai vái rồi quay sang Trần Quang Khải:

- Hịch⁽⁵⁾ đã viết xong. Phiền Thượng tướng quân⁽⁶⁾ sai truyền đi các lộ ngay đêm nay.

Hai người nhìn nhau chăm chú và cùng thoáng mỉm cười. Từ đài cao, Dã Tượng đường hoàng giương cao ngọn cờ tiết chế⁽⁷⁾ đi xuống bến. Yết Kiêu đã đứng đón sẵn ở đấy. Dã Tượng trao cán cờ tiết chế cho Yết Kiêu. Họ không nói với nhau một lời nào nhưng bốn mắt nhìn nhau đăm đăm như đang truyền cho nhau tình cảm dạt dào. Trần Quốc Tuấn chờ Yết Kiêu cầm lá cờ tiết chế thật thẳng rồi ra lệnh nhổ sào. Thuyền tướng từ từ kéo buồm. Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khẽ đẩy. Thuyền tướng rời bến. Mặt sông la liệt buồm và cờ. Đội trống đánh nhịp xuất quân. Tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực. Quân chèo thuyền cất cao giọng: “Dô hò... này khoan ới hò khoan. Đô hò... này lời hẹn thệ sư Cùng ý... nhau ý a...” Tiếng hò náo nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng định ninh⁽⁸⁾ lời thề khai hoàn⁽⁹⁾ với kinh thành⁽¹⁰⁾ yêu dấu.

(Trích: Trên sông truyền hịch- Hà Ân, NXB Kim Đồng)

Chú thích 1:

(1) *Thư nhi*: Trong văn cảnh này, “thư nhi” có nghĩa là con cháu, hậu duệ, đề cập đến con cháu của hai phủ Chiêu Minh và Hưng Đạo.

(2) *Bệ hạ*: Là cách gọi trang trọng và cung kính dành cho vua/ hoàng đế.

(3) *Chân, thảo, triện, lệ*: đại diện cho bốn kiểu chữ khác nhau trong thư pháp Trung Hoa và Việt Nam

(4) *Trấy*: đi, thường dùng để chỉ việc di chuyển của binh lính, gọi lên hình ảnh của đoàn quân xuất quân, ra trận.

(5) *Hịch*: một thể loại văn viết dùng để kêu gọi, cổ vũ, hoặc khích lệ quân sĩ hoặc dân chúng trong thời chiến

(6) *Tướng quân*: là danh xưng chỉ các vị lãnh đạo quân sự cao cấp, thường đứng đầu một đội quân, đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và xây dựng đất nước, có tài năng quân sự, dũng cảm, khéo léo trong chiến lược.

(7) *Ngọn cờ tiết chế*: “tiết chế” biểu thị uy quyền tối cao của người chỉ huy quân sự. Ngọn cờ này là biểu tượng cho quyền lực và trách nhiệm của người đứng đầu quân đội, thể hiện khả năng kiểm soát và điều hành toàn bộ lực lượng quân sự dưới quyền.

(8) *Đinh ninh*: có nghĩa là tin chắc, không chút nghi ngờ về một điều gì đó.

(9) *Khải hoàn*: sự trở về sau chiến thắng.

(10) *Kinh thành*: thủ đô hoặc trung tâm chính trị, văn hóa và kinh tế của một quốc gia trong quá khứ.

Lựa chọn đáp án đúng bằng cách khoanh vào chữ cái đầu dòng các phương án trả lời (từ câu 1 đến câu 7):

Câu 1. Xác định thể loại của đoạn trích trên?

- A. Truyện lịch sử
- B. Tiểu thuyết
- C. Truyện ngắn
- D. Truyện đồng thoại

Câu 2. Nhân vật chính trong đoạn trích là ai?

- A. Trần Quang Khải
- B. Trần Quốc Tuấn
- C. Trần Nhân Tông
- D. Yết Kiêu

Câu 3. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào trong câu “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*”?

- A. Liệt kê
- B. Đảo ngữ
- C. So sánh
- D. Phép đối

Câu 4. Tác dụng của biện pháp tu từ trong câu: “*Sông bao la chan hòa ánh nắng*” là gì?

A. Khẳng định sức mạnh ghê gớm của quân giặc, tạo ra hình ảnh tươi đẹp, ấm áp của cảnh sông dưới ánh nắng.

B. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện sự lo lắng vì thế giặc mạnh dễ làm tăng tính nghệ thuật.

C. Nhấn mạnh vẻ đẹp không gian lễ xuất quân, thể hiện niềm tin mãnh liệt vào chiến thắng, vào tương lai tươi sáng.

D. Thể hiện khao khát đánh thắng giặc và cảm giác bình yên, thư thái khi nhìn ngắm cảnh sông.

Câu 5. Chi tiết “*Khi con thuyền bắt đầu chuyển, Nhân Tông để hai tay vào đuôi thuyền khẽ đẩy*” cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh, khiêm tốn và giản dị với mọi người xung quanh, thể hiện lòng kính trọng và sự tử tế trong mọi hành động.

B. Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn, cởi mở và gần gũi, không giữ khoảng cách với thân dân hay người giúp việc.

C. Vua là người chủ quan, coi thường quân giặc, muốn Trần Quốc Tuấn nhanh chóng ra trận để đánh thắng giặc Nguyên Mông

D. Vua gần gũi, yêu quý, tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

Câu 6. Tác giả bộc lộ thái độ, tình cảm như thế nào đối với câu chuyện và nhân vật được kể?

- A. Khâm phục, tự hào, biết ơn
- C. Lo lắng, sợ hãi, nhút nhác
- B. Bình tĩnh, vui vẻ, tự hào
- D. Say sưa, ngất ngây, tự tin

Câu 7. Trong buổi xuất quân, tác giả khắc họa một số hình ảnh “*mặt sông la liệt buồm và cờ; đội trống đồng đánh nhịp xuất quân, tiếng trống thì thùng thì thùng rạo rực...*” thể hiện điều gì?

- A. Sự trật tự, nề nếp trong quân đội nhà Trần
- B. Tinh thần đoàn kết, nhanh trí của quân đội
- C. Sự hùng dũng, mạnh mẽ của đội ngũ chiến binh
- D. Sự phấn khởi, hào hùng của buổi xuất quân

Câu 8. Chi tiết “Tiếng hò náo nức lòng người xiết bao. Trần Quốc Tuấn lên mũi thuyền. Sông bao la chan hòa ánh nắng. Thăng Long từ từ xa dần, và trong tâm hồn vị tướng già bỗng dưng lời thề khải hoàn với kinh thành yêu dấu.” giúp em hiểu gì về nhân vật Trần Quốc Tuấn?

Câu 10. Từ văn bản, em hãy nêu suy nghĩ của mình về trách nhiệm của tuổi trẻ với đất nước hôm nay. (Trình bày bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu)

Viết bài văn phân tích tác phẩm sau:

Đã bấy lâu nay, bác tới nhà,
Trẻ thời⁽¹⁾ đi vắng, chợ thời xa.
Ao sâu nước cả⁽²⁾, khôn⁽³⁾ chài cá,
Vườn rộng rào thưa, khó đuổi gà.
Cải chửa⁽⁴⁾ ra cây, cà mới nụ,
Bầu vừa rụng rốn, mướp đương hoa.
Đầu trò tiếp khách, trầu không có,
Bác đến chơi đây, ta với ta!

Chú thích 2:

* Bài thơ được sáng tác trong thời gian Nguyễn Khuyến cáo quan về ở ẩn tại quê nhà, xã Yên Đỗ (nay là xã Trung Lương), Bình Lục, Hà Nam.

(1) *thời*: thì; (2) *cả*: lớn; (3) *khôn*: khó, không; (4) *chửa*: chưa

----- Hết -----

PHẦN LÀM BÀI

This image shows a full page of white paper with horizontal dotted lines, typical of primary school writing paper. The lines are evenly spaced and run across the width of the page. There are no margins, text, or other markings on the paper.

